

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/DS-ST

Ngày: 23-7-2026.

Về việc tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang.

2. Bà Dương Thị Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Cẩm H – Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ liên hệ: Số F Hương lộ B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. “Có mặt”

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; CCCD số 077075001728, cấp ngày 28/02/2024.

Nơi đăng ký thường trú: 1Ô1/109, ấp L, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số nhà H, ấp H, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay trình bày:

Ngày 09/08/2024, ông Nguyễn Văn L có đến Chi nhánh B - TP V của Công ty Cổ phần S Có Ngay để cầm cố tài sản vay tiền, nội dung hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240801006NA16X ngày 09/8/2024 như sau:

Số tiền cầm cố tài sản: 16.117.021 đồng.

Thời hạn cầm cố: 12 tháng;

Gốc, lãi, phí trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 09 hằng tháng.

Tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô Biển số 72H1-187.21; Loại xe: HONDA SH Mode; Số khung: RLHJF5127FY156112; Số máy: JF51E0414570; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006665 do Công an huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ cấp ngày 25/10/2016.

Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau:

+ Lãi suất cầm cố: 1.1 %/tháng

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Phí quản lý hồ sơ: 0.5 %/tháng.

+ Phí thuê xe: 870,319 đồng/tháng.

Ngày 09/08/2024, ông Nguyễn Văn L xin thuê lại chiếc xe cầm cố để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy thuê xe với mức phí là 870.319 đồng/tháng; thời gian thuê từ ngày 09/8/2024 đến ngày 09/8/2025.

Đến nay đã hết thời gian thuê xe nhưng ông L không bàn giao lại tài sản cho Công ty. Hiện ông L đang giữ tài sản cầm cố là chiếc xe máy HONDA SH Mode Biển số 72H1-187.21. Công ty đang giữ bản chính Giấy đăng ký xe số:006665, ngày 25/10/2016.

Từ ngày 10/12/2024 đến nay ông Nguyễn Văn L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố, hợp đồng thuê xe cho Công ty Cổ phần S- Chi nhánh B - TP V, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty Cổ phần S - Chi nhánh B đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên Công ty đến gặp trực tiếp ông L thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã thuê lại của công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố, nhưng ông L vẫn không hợp tác, lẩn tránh, không thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố đã thuê của Công ty.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2025, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay các khoản tiền tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 23.038.843 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Tiền gốc 11.657.627 đồng; tiền lãi trong hạn 694.792 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định 315.815 đồng; tiền lãi quá hạn 3.408.056 đồng; phí thuê xe 6.962.553 đồng. Trường hợp ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S Có Ngay đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ phần S Có Ngay

được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nêu trên để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán hết nợ thì ông L tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Rút yêu cầu ông L thanh toán tiền lãi trong hạn 694.792 đồng (do đã thanh toán); không yêu cầu ông L phải trả khoản phí quản lý hồ sơ cố định 315.815 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô cầm cố; đồng thời cập nhật lại số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/7/2026 là 22.446.545 đồng; trong đó, nợ gốc là 11.690.443 đồng; lãi quá hạn là 3.793.549 đồng và tiền thuê xe là 6.962.553 đồng.

Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/7/2026 là 22.446.545 đồng, trong đó: Nợ gốc là 11.690.443 đồng; lãi quá hạn là 3.793.549 đồng và trả phí thuê xe trong 08 tháng: 870.319 đồng/tháng x 08 tháng = 6.962.553 đồng, không yêu cầu tính tiếp.

Ông Nguyễn Văn L tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số V4M240801006NA16X ký ngày 09/08/2024 kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi ông Nguyễn Văn L thanh toán xong nợ, Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại bản chính giấy đăng ký xe số 006665, cấp ngày 25/10/2016 cho ông Nguyễn Văn L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 22/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông L đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích cho mình là đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn L trả cho Công ty Cổ phần S có ngay toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí thuê xe tính đến ngày 23/7/2026 là 22.446.545 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Công ty Cổ phần S có ngay kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L theo quy định.

[2]. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay rút yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi trong hạn, phí quản lý hồ sơ cố định và xử lý tài sản cầm cố. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn.

[3.1]. Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240801006NA16X ngày 09/8/2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo hợp đồng, ông L cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – SH Mode, biển số 72H1-187.21 và giao bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe số 006665 cấp ngày 25/10/2016 để vay số tiền 16.117.021 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 309, 310, 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Ông L đã nhận đủ số tiền vay 16.117.021 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/12/2024, ông L đã trả được một số nợ gốc và lãi trong hạn, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 11.690.443 đồng. Kể từ ngày 10/12/2024 đến nay, ông L không tiếp tục thanh toán nên phát sinh lãi quá hạn tính đến ngày

23/7/2026 là 3.793.549 đồng, phù hợp với thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký nên Công ty Cổ phần S Có Ngay buộc ông L trả nợ gốc và lãi quá hạn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn ông L phải trả tính đến ngày 23/7/2026 là 15.483.992 đồng.

[3.2]. Đối với hợp đồng thuê tài sản.

Sau khi ký hợp đồng cầm cố, do có nhu cầu sử dụng xe, ông L đã ký giấy thuê lại chính chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – SH Mode, biển số 72H1-187.21 đã cầm cố tại Công ty S1, có thu phí thuê xe 870.319 đồng/tháng, thời hạn thuê xe từ ngày 09/8/2024 đến ngày 09/8/2025; đây là quyền của bên nhận cầm cố được cho thuê tài sản cầm cố theo quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc ký kết, thu phí thuê xe là phù hợp với thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Ông L đã nhận lại xe để sử dụng theo giấy thuê xe nêu trên. Đến nay đã hết hạn thuê xe, ông L không trả lại xe nhưng Công ty Cổ phần S Có Ngay chỉ yêu cầu ông L trả phí thuê xe trong 08 tháng, cụ thể: 870.319 đồng/tháng x 08 tháng = 6.962.553 đồng, không yêu cầu tính tiếp. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền phí thuê xe là 6.962.553 đồng.

[3.3]. Về lãi suất.

Kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240801006NA16X ngày 09/8/2024.

[3.4]. Về bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006665, cấp ngày 25/10/2016 do Công ty Cổ phần S Có Ngay đang giữ.

Ngay sau khi ông Nguyễn Văn L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006665, cấp ngày 25/10/2016 cho ông Nguyễn Văn L và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

Bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.122.000 đồng (Đã làm tròn số).

Trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 849.661 đồng.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 472, Điều 473, Điều 474 và Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn, trả tiền phí quản lý hồ sơ cố định và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA – SH Mode, biển số 72H1-187.21.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S có ngay toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23/7/2026 là 22.446.545 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 11.690.443 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng); nợ lãi quá hạn là 3.793.549 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) và tiền phí thuê xe là 6.962.553 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày 24/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số V4M240801006NA16X ngày 09/8/2024.

3. Ngay sau khi ông Nguyễn Văn L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn L bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006665, cấp ngày 25/10/2016 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.122.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 849.661 đồng (T trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056117 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM (Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy

